ỦY BAN NHÂN DÂN
Thành phố Hải Phòng

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc

Số: 947 QĐ/UB

Hải Phòng, ngày 24 tháng 4 năm 1993

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành quy chế về quản lý thống nhất việc ban hành văn bản qui phạm pháp luật ở thành phố Hai Phòng.

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban Nhân dân;

- Căn cứ Chỉ thị 166-CT ngày 20-6-1989 của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, (nay là Thủ tướng Chính phủ) về việc rà soát hệ thống văn bản pháp luật;

- Xét đề nghị của ông Giám đốc Sở Tư pháp;

Q U Y Ế T Đ Ị N H

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này quy chế về quản lý thống nhất việc ban hành văn bản quy phạm pháp luật ở thành phố Hai Phòng.

Điều 2: Giao Giám đốc Sở Tư pháp hướng dẫn thực hiện Quy chế này, và thường xuyên theo dõi, tổng hợp tình hình thực hiện quy chế báo cáo Ủy ban Nhân dân thành phố.

Điều 3: Các ông, bà: Chánh Văn phòng UBND thành phố; Giám đốc Sở Tư pháp; Thủ trưởng các cơ quan, ban, ngành; chủ tịch UBND các huyện, quận, thị xã có trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định có hiệu lực từ ngày ký ./.

Nơi nhận:
- Như điều 3 "Để thi hành"
- Lưu Văn phòng.

TM/UBND THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
Chủ tịch: ĐÀO AN
(Đã ký và đóng dấu)

SỞ TƯ PHÁP
Thành phố Hải Phòng

Số: 01 SL/TP

SAO Y BẢN CHÍNH
Hải Phòng, ngày 5 tháng 9 năm 1994
SỞ TƯ PHÁP TP HẢI PHÒNG

Giám đốc
NGUYỄN NĂNG THÍNH

QUY CHẾ

Về quản lý thống nhất việc ban hành văn bản qui phạm pháp luật ở thành phố Hải Phòng.

(Ban hành kèm theo quyết định số 947-QĐ/UB ngày 24-4-1993 của UBND thành phố Hảiphòng)

Chương I:

NHỮNG QUI ĐỊNH CHUNG.

Điều 1: Văn bản qui phạm pháp luật (dưới đây gọi tắt là văn bản pháp qui) nêu trong qui chế này là văn bản mà nội dung có chứa đựng các qui phạm pháp luật, được áp dụng chung, bắt buộc các cơ quan Nhà nước, tổ chức xã hội và mọi công dân thực hiện; do UBND thành phố, UBND các huyện, quận, thị xã ban hành dưới hình thức: quyết định, chỉ thị; theo trình tự, thủ tục đã quy định.

Điều 2: Việc ban hành văn bản pháp quy dựa trên các nguyên tắc sau:

1- Theo chương trình kế hoạch đã được duyệt;

2- Đúng thẩm quyền và theo hình thức, thủ tục quy định;

3- Không được trái Hiến pháp, luật, pháp lệnh và các văn bản pháp qui của cấp trên;

4- Chỉ bị sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ hoặc thay thế bằng một văn bản pháp qui của chính cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản đó; hoặc bị hủy hay bãi bỏ bằng một văn bản pháp qui của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cấp trên;

5- Hiệu lực của văn bản pháp qui phải được định rõ trong văn bản; trường hợp đặc biệt, văn bản có hiệu lực trở về trước (hiệu lực hồi tố) phải đúng nguyên tắc pháp luật và được ghi rõ trong văn bản.

Điều 3: Theo qui định của pháp luật, Ủy ban Nhân dân các cấp ra quyết định, chỉ thị, chi tiết hoá, hoặc đề ra các biện pháp đảm bảo việc thi hành văn bản pháp qui của cấp trên, nghị

quyết của Hội đồng nhân dân cùng cấp, thể chế hoá nghị quyết của cấp ủy Đảng.

Điều 4: Nội dung quản lý thống nhất việc ban hành văn bản pháp qui gồm:

1- Lập chương trình, kế hoạch xây dựng, ban hành văn bản pháp qui;

2- Theo dõi, hướng dẫn việc thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản pháp qui;

3- Kiểm tra, thẩm tra tính hợp pháp, hợp lý của văn bản; kiểm tra, giám sát việc ban hành văn bản;

4- Rà soát, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ các qui phạm pháp luật đã lạc hậu; hủy bỏ các qui phạm trái pháp luật hiện hành; tập hợp, hệ thống hoá văn bản pháp qui;

5- Tổng kết, đánh giá chất lượng xây dựng, ban hành văn bản pháp qui.

Điều 5: Tư pháp các cấp là cơ quan chuyên môn, giúp UBND cùng cấp thực hiện quản lý thống nhất việc ban hành văn bản pháp qui ở địa phương.

Chương II:

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ.

Điều 6: Việc xây dựng văn bản pháp qui thực hiện theo kế hoạch chương trình được quy định như sau:

1- UBND các cấp, thủ trưởng các ngành trên cơ sở đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng; Hiến pháp, luật, pháp lệnh và những văn bản pháp qui dưới luật của cấp trên; theo yêu cầuquản lý ở địa phương; lập kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản pháp qui dài hạn, hàng năm của cấp hoặc ngành mình; chuẩn bị các điều kiện vật chất đảm bảo cho việc thực hiện khi được duyệt;

2- Cơ quan Tư pháp có trách nhiệm giúp UBND cùng cấp lập, theo dõi và hướng dẫn việc thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản pháp qui ở địa phương; định kỳ báo cáo UBND cùng cấp về tiến độ thựchiện.

3- Kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản pháp qui bao gồm: danh mục văn bản; tên cơ quan có trách nhiệm chủ trì, phối hợp soạn thảo; thời gian trình duyệt; kế hoạch, chương trình xây dựng văn bản pháp qui của địa phương nào do UBND địa phương đó duyệt.

Điều 7: Tổ chức việc soạn thảo:

1- Văn bản pháp qui điều chỉnh các quan hệ thuộc lĩnh vực quản lý của ngành nào, ngành đó chịu trách nhiệm chủ trì soạn thảo và đảm bảo tính hợp lý của văn bản;

2- Văn bản pháp quy điều chỉnh những mối quan hệ liên quan đến nhiều ngành hoặc nhiều lĩnh vực; cơ quan chủ trì (hoặc tiểu ban) soạn thảo văn bản có trách nhiệm tổ chức khảo sát, thu thập nghiêncứu tài liệu, tổ chức hội thảo, mời cán bộ chuyên môn có kinh nghiệm tham gia;

3- Văn bản pháp qui cần có hướng dẫn thi hành, thì khi soạn thảo văn bản pháp qui đồng thời soạn thảo văn bản hướng dẫn. Văn bản hướng dẫn chỉ được làm rõ các quy định đã có, không được đặt ra qui định mới;

4- Cơ quan Tư pháp cùng cấp tham gia vào quá trình soạn thảo, đảm bảo tính hợp pháp của văn bản.

Điều 8: Việc lấy ý kiến tham gia vào dự thảo văn bản pháp qui:

1- Tùy theo tính chất, phạm vi, đối tượng điều chỉnh của văn bản, cơ quan chủ trì (hoặc tiểu ban) soạn thảo có thể tổ chức lấy ý kiến của các ngành, đơn vị cơ sở hữu quan hoặc của nhândân tham gia vào dự thảo.

2- Mọi dự thảo nhất thiết phải có ý kiến của cơ quan Tư pháp cùng cấp.

3- Cơ quan chủ trì (tiểu ban) soạn thảo văn bản có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét các ý kiến tham gia để chỉnh lý dự thảo văn bản.

Điều 9: Thủ tục trình dự thảo văn bản pháp qui:

Cơ quan chủ trì (hoặc tiểu ban) soạn thảo văn bản gửi dự

thảo, Tờ trình về dự thảo văn bản tới cơ quan có thẩm quyền ban hành. Nội dung Tờ trình phải nêu rõ lý do cần ban hành văn bản, nội dung chính và những vấn đề còn ý kiến khác nhau về văn bản.

Điều 10: Thủtục thông qua và ban hành văn bản pháp qui:

1- Khi nhận được Tờ trình, dự thảo văn bản pháp qui theo quy định tại điều 7, 8, 9 bản qui chế này, cơ quan có thẩm quyền xem xét và quyết định việc ban hành văn bản;

2- Trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày thông qua hoặc ban hành, văn bản pháp qui phải được chuyển tới cơ quan tư pháp cùng cấp để tập hợp, rà soát, hệ thống hoá và theo dõi tiến độ thực hiện chương trình, kế hoạch xây dựng văn bản pháp qui ở địa phương; và cơ quan tư pháp cấp trên trực tiếp để thẩm tra tính hợp pháp của văn bản.

Điều 11: Kiểm tra, giám sát việc ban hành và thực hiện văn bản pháp quy:

Cơ quan Tư pháp có trách nhiệm đảm bảo tính hợp pháp của văn bản pháp qui ban hành ở cấp mình; kịp thời phát hiện các văn bản trái pháp luật, không phù hợp với tình hình kinh tế, xã hội; kiến nghị với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền biện pháp xử lý thích hợp.

Điều 12: Việc rà soát hệ thống văn bản pháp qui:

Cơ quan Tư pháp có trách nhiệm chủ trì phối hợp với các ngành hữu quan thường xuyên thực hiện các việc sau:

1- Rà soát hệ thống văn bản pháp qui; định kỳ hàng tháng, hàng năm lập danh mục những văn bản địa phương đã ban hành; danh mục những văn bản cần sửa đổi, bổ sung; danh mục các văn bản cần bãi bỏ và những văn bản cần xây dựng mới;

- Tập hợp các văn bản pháp quy hiện hành theo từng lĩnh vực; tiến hành hệ thống hoá; từng bước hoàn thiện hệ thống văn bản pháp qui ở địa phương;

3- Căn cứ vào kết quả rà soát hàng năm, lập tờ trình đề nghị Ủy ban Nhân dân cấp mình quyết định và công bố danh mục các văn bản pháp quy cần bãi bỏ, thay thế, sửa đổi, bổ sung; giúp Ủy ban Nhân dân cùng cấp tổ chức tổng kết, đánh giá tình hình ban hành văn bản pháp quy ở địa phương.

Chương III:
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13: Tất cả cơ quan quản lý Nhà nước có thẩm quyền ban hành văn bản pháp quy trên địa bàn thành phố Hải Phòng thống nhất thực hiện theo quy chế này./.

SỞ TƯ PHÁP TP HẢI PHÒNG
SAO LỤC